

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5-2019
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2019/TLST-HN ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39a/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981; Trú tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1978; Trú tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị K do quen biết và sau thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng thì anh và chị K tự nguyện tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày **12-9-2013**. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn cự cãi nhau do tính tình không hợp, chị K thường hay đi làm về khuya, có khi còn uống rượu, đi đá gà, đánh bài,...anh khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị Kiều không thay đổi. Anh đi làm ở L thì chị K nói anh đi theo người đàn bà khác nên chị lấy quần áo của anh đem đi đốt, đem cắt bỏ. Anh xác định tình cảm với chị Kiều không còn, cuộc sống hôn nhân không thể dung hòa với nhau. Vợ chồng anh đã

sống ly thân từ khoảng 08 tháng nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 15/11/2011. Anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh C đồng ý để con cho chị K nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh C về quá trình quen biết và việc đăng ký kết hôn cũng như quá trình chung sống. Chị và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày **12-9-2013**. Thời gian vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 – 05 năm thì bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường hay nhậu nhẹt, không cùng chị chăm lo cho gia đình, chị không đồng ý để anh C đi làm xa nhưng anh C vẫn đi. Trong thời gian anh C đi làm ở L chị phát hiện mình có thai chị có điện thoại kêu anh C về nhà nhưng anh C không về, không thừa nhận cái thai là con anh Chiến nên quá buồn chị đã không giữ lại con, trong lúc buồn và bức xúc nên chị đã đốt đồ của anh C. Chị còn thương chồng, con thì còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Trước đây chị không đồng ý ly hôn vì thương con.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 15/11/2011. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể chị K vắng mặt trong phiên hòa giải ngày 21-3-2019.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị K. Về con chung chị K trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 15-11-2011, anh C không phải cấp nuôi con do chị K không yêu cầu. Tài sản chung: không có nên không xem xét; nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 12-02-2019 xác nhận chị Trần Thị K hiện đang sinh sống và có mặt tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[3] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị K kết hôn vào năm 2013, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Mỏ Cày Bắc nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C, anh C cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do mâu thuẫn cự cãi nhau do tính tình không hợp, chị Kiều thường hay đi làm về khuya, có khi còn uống rượu, đi đá gà, đánh bài,...anh khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị K không thay đổi. Anh đi làm ở L thì chị K nói anh đi theo người đàn bà khác nên chị lấy quần áo của anh đem đi đốt, đem cắt bỏ. Anh xác định tình cảm với chị K không còn, Chị K cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn là do anh C thường hay nhậu nhẹt, không cùng chị chăm lo cho gia đình, chị không đồng ý để anh C đi làm xa nhưng anh C vẫn đi nên dẫn đến cãi nhau. Nay anh C xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa anh C và chị K thì gia đình cho biết trong thời gian sống chung thì chị anh C và chị K cũng thường hay cãi nhau khoảng 02 năm nay và vợ chồng anh C và chị K mạnh ai nấy sống. Qua xác minh tại địa phương, trưởng ấp cho biết vợ chồng anh C và chị K không tin tưởng nhau, thường hay ghen tuông nên dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ, lạnh nhạt với nhau. Hội

đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh C và chị K đã mâu thuẫn, chị K cũng đồng ý ly hôn. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc tin tưởng nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa anh Chiến và chị Kiều đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh C và chị K là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 15-11-2011. Anh C yêu cầu nuôi con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh C và chị K thỏa thuận chị K nuôi con, anh C không cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy ý kiến cháu Ngân có nguyện vọng sống với anh C, tuy nhiên để đảm bảo điều kiện cho cháu N phát triển toàn diện nghĩ nên để cháu N cho chị K nuôi theo thỏa thuận của anh chị là phù hợp. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Anh C và chị K thống nhất không có tài sản chung nên không không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Anh C và chị K thống nhất không có nên không xem xét.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị K.

2. *Về con chung*: Chị K trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 15-11-2011, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không có nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Không có nên không xem xét.

5. *Án phí ly hôn*: Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000427 ngày 12-02-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Đương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên